BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 11 NĂM 2021-2022 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Ngữ văn 11

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN NGỮ VĂN 11

NĂM HỌC 2021-2022

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Về nội dung:

- Phần Đọc - hiểu tác phẩm văn học: Nắm vững Tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thể loại, đề tài, cốt truyện, nhân vật, phương thức biểu đạt, ngôn ngữ, các yếu tố nghệ thuật nổi bật...thuộc lòng các tác phẩm thơ. Chú ý thực hành đọc-hiểu, phân tích, bình giá các văn bản tác phẩm.

- Phần Tiếng Việt và Làm văn: Nắm vững tất cả các nội dung lí thuyết đồng thời chú ý phần Thực hành và Rèn luyện kĩ năng.

2. Về hình thức:

- Cần thấy được yêu cầu của tính chất tích hợp của ba phân môn Đọc – hiểu, Tiếng Việt và Làm văn. Điều đó được thể hiện rất rõ trong các phần Thực hành, Rèn luyện kĩ năng của cả ba phân môn.

- Cấu trúc một bài Kiểm tra - Đánh giá cuối học kì gồm hai phần: Trắc nghiệm và Tự luận với tỉ lệ thông thường 3/7 hoặc 4/6.

- Phần trắc nghiệm kiểm tra kiến thức cả ba phân môn.

- Phần tự luận sẽ được chia nhỏ và khuyến khích sự sáng tạo của học sinh.

II. GỢI Ý LÀM ĐỀ LUYỆN TẬP GIỮA HỌC KÌ

Phần I. Trắc nghiệm

Trả lời các câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng (phương án in đậm là đáp án đúng)

1. Vì sao đoạn văn trên được coi là một đoạn văn ghị luận?

A. Vì có luận điểm mới mẻ, sắc sảo và có luận cứ giàu sức thuyết phục.

B. Vì có luận cứ giàu sức thuyết phục và cách lập luận chặt chẽ.

C. Vì có lập luận chặt chẽ và có luận điểm mới mẻ, sắc sảo.

D. Vì có đầy đủ các yếu tố luận điểm, luận cứ và luận chứng.

2. Tiêu đề nào sau đây phù hợp nhất với đoạn trích trên?

A. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương

B. Hồ Xuân Hương – "Bà chúa thơ nôm"

C. Tính dân tộc trong thơ Hồ Xuân Hương

D. Nội dung thơ Hồ Xuân hương

3. Ý nào sau đây có thể xem là luận điểm của đoạn văn?

A. Xuân Hương cũng là một "nhà nho", cũng giỏi chữ hán

B. Nhìn chung trong thơ cổ điển của ta, bao gồm từ Chu mạnh trinh trở lên, thơ Hồ Xuân hương có tính dân tộc hơn cả.

C. Nội dung thơ Hồ Xuân Hương toát lên từ đời sống bình dân, hằng ngày.

D. Xuân Hương nói ngay những cảnh có thực của núi sông ta, vớt hết sách vở khuôn sáo, lấy hai con mắt của mình mà nhìn.

4. "Cái đèo ba Dội của Xuân hương rõ là đèo Ba Dội (...), phong cảnh sống cứ cựa quậy lên, chứ chẳng phải chiếu lệ như cái Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan, tuy có thanh nhã, đẹp xinh nhưng bị đạp bẹp cho vào đứng im như trong một bức tranh in ở ấm chén hay lọ cổ".

Ý chính mà câu văn trên muốn biểu đạt là?

A. Thơ Bà Huyện Thanh Quan không hay.

B. Thơ hồ Xuân hương hay hơn thơ Bà Huyện Thanh Quan.

C. Thơ Bà Huyện Thanh Quan thanh nhã hơn thơ Hồ Xuân Hương.

D. Thơ Bà Huyện Thanh Quan thanh nhã, sống động nhưng không sống động bằng thơ hồ Xuân Hương.

5. "Dễ ít thi sĩ nào để lại dấu ấn thơ trên nước ta nhiều như Hồ Xuân Hương".

Câu văn trên nên hiểu theo nghĩa nào?

A. Không có thi sĩ nào ở nước ta làm nhiều thơ như Hồ Xuân Hương.

B. ít nhà thơ nào ở nước ta để lại nhiều thơ như Hồ Xuân Hương.

C. Ít có nhà thơ nào viết nhiều về phong cảnh nước ta như Hồ Xuân Hương.

D. Trên đất nước ta đâu cũng thấy hình bóng Xuân hương.

6. "... khi cần cũng ra được câu đối "mặc áo giáp dài cài chữ đinh", cũng giỏi chiết tự "duyên thiên đầu dọc, phận liễu nét ngang", và dùng tên các vị thuốc bắc một cách tài tình".

Các chi tiết trên nhằm chứng minh Xuân Hương là người như thế nào?

A. Giỏi chơi chữ

B. Giỏi chữ Hán

C. Giỏi htuốc bắc

D. Giỏi câu đối

7. Trong đoạn văn trên, trơ Hồ Xuân hương được so sánh với thơ của ai?

A. Chu mạnh Trinh và Bà Huyện Thanh Quan

B. Ôn Như hầu và Chu mạnh Trinh

C. Bà Huyện Thanh Quan và Ôn Như hầu

D. Bà Huyện Thanh Quan

8. "Một khi Xuân Hương đi dạo cảnh Hồ tây, ghé chơi chùa Trấn Quốc, hoài cổ trước cung Thái Hòa nhà Lí, tới thăm đài Khán Xuân."

Câu văn trên mắc lỗi nào?

A. Dùng sai nghĩa của từ

B. Câu thiếu bộ phận vị ngữ

C. Câu thiếu chủ ngữ

D. Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ.

9. Thay cụm từ ảo cho đúng và hay vào chỗ trống trong câu văn sau:

"Nhìn chung trong thơ cổ điển của ta, bao gồm từ Chu mạnh trinh trở lên, có lẽ thơ hồ Xuân hương ..."

A. luôn đi trước

B. luôn tiêu biểu

C. giành giải nhất

D. hay tuyệt vời

10. "Dễ ít thi sĩ nào để lại dấu ấn thơ trên nước ta nhiều như Hồ Xuân Hương".

Cách diễn dạt nào dưới đây tương đương với câu trên?

A. Không thể có thi sĩ nào để lại dấu ấn thơ trên nước ta nhiều như Xuân Hương.

B. Dễ không ít thi sĩ đã để lại dấu ấn thơ trên đất nước ta nhiều như Xuân Hương.

C. Kể sao được những thi sĩ đã để lại dấu ấn thơ trên nước ta nhiều như Xuân Hương.

D. Thật ít có thi sĩ nào đã để lại dấu ấn thơ trên nớc ta nhiều như Xuân Hương.

11. "Xuân hương cũng là một "nhà nho" chẳng kém ai, cũng giỏi chữ hán, khi cần cũng ra được câu đối "mặc áo giáp dài cài chữ đinh", cũng giỏi chiết tự "duyên thiên đầu dọc, phận liễu nét ngang", và dùng tên các vị thuốc bắc một cách tài tình".

Trong câu văn trên đây, tác giả chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh

B. Liệt kê

C. Điệp ngữ

D. Phóng đại

12. Nội dung chính Xuân diệu muốn làm nổi bật trong đoạn trích là gì?

A. Thơ Hồ Xuân Hương đậm đà tính dân tộc

B. Thơ Hồ Xuân Hương rất tài hoa, uyên bác

C. Thơ Hồ Xuân Hương rất phong phú, sống động

D. Thơ Hồ Xuân Hương tràn đầy tinh thần yêu nước

Đáp án:

1. D

2. C

3. B

4. D

5. C

6. B

7. C

8. D

9. C

10. D

11. B

12. A

Phần II. Tự luận

Câu 1. Nhà triết học Hi Lạp, Dê-nông (346 - 264 TCN) nói với một người bẻm mép: "Chúng ta có hai tai và một miệng để nghe nhiều hơn và nói ít hơn".

Bằng một đoạn văn ngắn, giải thích ý nghĩa câu nói trên.

* Mở đoạn:

- Trích dẫn câu nói của Dê-nông "Chúng ta....ít hơn"

* Thân đoạn:

- Giải thích

+ Nghĩa đen: Con người "có hai tai" nhưng chỉ có "một miệng". Vậy nên cần "nghe nhiều hơn" và "nói ít hơn".

+ Nghĩa bóng: Con người phải biết lắng nghe và chỉ nói những điều cần thiết.

- Tại sao lại như vậy?

+ Cuộc sống cần sự đồng cảm. Con người phải biết lắng nghe tiếng nói của đồng loại.

+ "Im lặng là vàng" chỉ nói những điều cần thiết và phải suy nghĩ trước khi nói.

+ Phê phán những biểu hiện xấu, chỉ nói mà không làm, khồng chịu lắng nghe ý kiến của người khác.

* Kết đoạn:

- Rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2: Phân tích bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến.

a. Mở bài:

- Giới thiệu bài thơ Câu cá mùa thu và tác giả.

b. Thân bài:

* Hai câu đề

"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo"

- Ao thu là một hình ảnh rất gần gũi với cuộc sống thường ngày, cùng với thời tiết se lạnh và dòng nước trong veo.

- Cảnh sắc màu thu ở vùng quê được thể hiện qua hai câu thơ

* Hai câu thực "Sóng biếc theo làn hơi gợn tí, Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo"

- Hình ảnh sóng biếc gợn tí và hình ảnh lá vàng, cảm giác như những hình ảnh rất nhỏ bé

- Không gian tĩnh lặng của mùa thu được tăng dần so với câu trước

- Tâm hồn rất nhạy cảm, tinh tế của tác giả

* Hai câu luận

"Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo".

- Sự êm đềm nhẹ nhàng

- Cảm giác mông lung huyền ảo

- Cảnh buồn, tĩnh mịch, lòng người nặng trĩu, luẩn quẩn không lối thoát

* Hai câu kết "Tựa gối ôm cần lâu chẳng được, Cá đâu đớp động dưới chân bèo":

- Một bức tranh thiên nhiên hài hòa

- Ném mọi tâm tư không vương vấn tới thế, thói đời

c. Kết bài:

- Nêu cảm nhận của em về bài thơ Câu cá mùa thu.

2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11

2.1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần đọc hiểu (3 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

Xuất hiện trong buổi giao lưu "Hiến tạng – hạnh phúc chính là cho đi", với tư cách khách mời, chị Thùy Dương đến sớm. Gương mặt người phụ nữ trẻ bình thản, sẵn sàng cho một buổi chuyện trò dài về cô con gái nhỏ và nghĩa của cao đẹp của cô bé.

Hải An mới 7 tuổi khi quyết định hiến giác mạc. Em biết mình sẽ không qua khỏi bởi căn bệnh ung thư thần kinh đệm não cầu lan tỏa. giác mạc của em hiện đã đem lại ánh sáng cho hai bệnh nhân. Có thể với những đứa trẻ khác, câu chuyện chết thì đi hiến xác vì có nhiều người cần của bà ngoại chỉ là câu chuyện nghe lúc đấy rồi quên nhưng Hải An không quên, cô bé đã muốn hiến toàn bộ nội tạng và hiến giác mạc khi biết mình mắc bệnh trọng bởi hình hài khác, nhưng vẫn là con theo cách đặc biệt nhất.

Câu chuyện hiến giác mạc của cô bé 7 tuổi thực sự là một điều tử tế truyền cảm hứng mạnh mẽ. Ông Nguyễn Hữu Hoàng - giám đốc ngân hàng mắt bệnh viện mắt trung ương cho biết từ quyết định hiến giác mạc của Hải An đến nay đã có hơn 1300 đơn đăng ký. Ngay cả chị Dương cũng đã hoàn tất việc đăng ký giác mạc của mình. Chị Dương kể rằng, rất nhiều người đã chia sẻ với chị, sự ra đi của bé Hải An đã thay đổi họ. Có người đã tâm sự với chị: em đã ăn chơi trác táng nhưng sau khi biết chuyện của Hải An, em biết rằng cuộc sống này rất đáng quý. Nếu em bảo quản thân thể của em khỏe mạnh em sẽ mang lại sự sống cho người khác.

Cuộc sống luôn mang đến cho ta những điều kỳ diệu. Hiện tại dẫu buồn bã, bi đát đến đâu, chỉ cần vững tin yêu thương suy nghĩ tích cực thế nào bạn cũng sẽ vượt qua. Câu chuyện của chị Dương và bé Hải An như những chấm son, đẹp như đóa hoa tô điểm cho đời, như những ngôi sao lấp lánh trong đêm để người ta thêm tin vào điều kỳ diệu và tình yêu trong cuộc sống. Giác mạc của bé Hải An không chỉ đem đến ánh sáng cho hai người mà trên hết đó là tình yêu, là cảm hứng của sự tử tế được lan truyền đến mọi người xung quanh"

(Theo kênh 14.vn ngày 31 tháng 3 năm 2018)

1. Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản

2. Hiện tượng bé Hải An đã tạo thành một dòng chảy của "văn hóa tận hiến" trong xã hội. Anh/chị hiểu như thế nào là "tận hiến"?

3. Theo tác giả, câu chuyện hiến giác mạc của cô bé bảy tuổi truyền cảm hứng mạnh mẽ đến mọi người như thế nào?

4. Anh/chị có đồng tình với quan điểm "hạnh phúc là cho đi"? Vì sao?

Phần làm văn (7 điểm)

Anh/chị hãy làm rõ vẻ đẹp của người nghĩa sĩ trong đoạn văn bản sau:

"Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; Toan lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung;

Chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phần phồng hơn mươi tháng, trong tin quan như trời hạn trông mưa;

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thỏi mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bỏng bong che trắng lốp, muôn tới ăn gan;

Ngày xem ống khỏi chạy đen xì, muốn ra cắn cổ

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu;

Hai vầng nhật nguyệt chói loài, đâu dung lũ treo dê bán chó

Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình;

Chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ

Khá thương thay:

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lính diễn binh:

Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiếu mộ

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn:

Chín chục trận binh thư, không chờ bày bố

Người cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu ngòi

Trong ta cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ.

Hoa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ

Chi nhọc quan quân gióng trống kỳ, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vài, liều mình chẳng có

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh

Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ."

(Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc - Nguyễn Đình Chiểu)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: tự sự, nghị luận

Câu 2:

- Hiện tượng bé Hải An đã tạo thành một dòng chảy của "văn hóa tận hiến" trong xã hội. Tận hiến là thái độ sống, cách ứng xử cao đẹp tạo nên từ sự tự nguyện dâng hiến tất cả, vật chất và tinh thần, sự sống và cái chết cho cuộc đời.

Câu 3:

- Theo tác giả câu chuyện hiến giác mạc của cô bé bảy tuổi đã truyền cảm hứng mạnh mẽ đến mọi người:

+ Đã có hàng trăm người đăng kí hiến tặng giác mạc trong đó có mẹ cô bé Hải An

+ Có những người đã thay đổi cách sống của họ, đã biết quý trọng bản thân.

+ Cảm hứng từ những điều tử tế được lan truyền đến mọi người.

Câu 4:

- Đồng tình

- Lí giải:

+ Cho đi là trao yêu thương, dành sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ với người khác.

+ Khi cho đi ta sẽ đem hạnh phúc cho người khác và cho chính bản thân mình.

+ Khi cho đi mọi người sẽ sống lương thiện, vị tha, nhân ái, cao thượng hơn

+ Khi cho đi, ta sẽ đem lại những điều tốt đẹp cho cuộc sống và cho chính mình.

Phần II: Làm văn

a. Giới thiệu chung:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận

b. Triển khai vấn đề:

* Giới thiệu sơ lược về bài văn tế và vị trí của đoạn trích trong văn bản

* Phân tích hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ trong đoạn trích:

- Họ là những người nông dân lam lũ, nghèo khổ, cả cuộc đời gắn bó với đồng ruộng, chưa hề biết đến binh đao, võ nghệ.

- Khi giặc đến xâm lược quê hương, họ có sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức, tình cảm và hành động.

- Họ nhận thức rõ tình cảnh đất nước, thể hiện lòng căm thù giặc đậm chất người nông dân (so sánh, cường điệu, giọng điệu hùng hồn,…):

+ Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa.

+ Mùi tinh chiên vây vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

+ Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.)

- Họ tự nguyện ra trận, mong muốn được đánh giặc giữ nước "dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ"

+ Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình;

+ Chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

- Trang bị của họ khi ra trận thô sơ, chỉ là những vật dụng gắn bó với cuộc sống hàng ngày. Biện pháp nghệ thuật liệt kê: áo vải, gậy tầm vông, rơm con cúi, dao phay,…

- Khí thế xung trận hào hùng, dũng cảm: (động từ mạnh, hình ảnh liệt kê đối xứng trong cấu trúc văn biền ngẫu,…)

- Đốt xong nhà dạy đạo kia; chém rớt đầu quan hai nọ, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có, kẻ đâm ngang, người chém ngược, bọn hè trước, lũ ó sau.

=> Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân xung trận đánh Tây mang vẻ đẹp hào hùng, kì vĩ như người tráng sĩ như trong văn học xưa.

* Nghệ thuật:

- Nghệ thuật xây dựng hình tượng: Bức tượng đài về người nông dân đánh giặc được dựng bằng ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ; hình ảnh người nông dân đánh giặc hiện lên chất phác, quê mùa mà anh hùng, dũng cảm.

c. Kết luận:

- Trong văn học, phải đến thế kỉ XIX khi Nguyễn Đình Chiểu – một nhà nho yêu nước dùng con mắt yêu thương và kính phục để viết nên "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" thì hình ảnh người nông dân mới thực sự xuất hiện.

- Đoạn trích khắc họa hình tượng đẹp, rất đỗi chân thực, hào hùng về người nghĩa sĩ trong cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do của đất nước.

2.2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau

"Quê hương tôi có cây bầu cây nhị

Tiếng "đàn kêu tích tịch tình tang…"

Có cô Tấm náu mình trong quả thị,

Có người em may túi đúng ba gang.

Quê hương tôi có ca dao tục ngữ,

Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi.

Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ,

Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi.

Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mất

"Cuốc cuốc" kêu rỏ máu những đêm vàng

Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc.

Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.

Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu

Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.

Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,

Hưng Đạo vương đã mở hội Diên Hồng…

(Trích Bài thơ Quê Hương - Nguyễn Bính)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Kể tên ít nhất 2 truyện cổ hoặc 2 câu ca dao được gợi nhớ trong khổ thơ 1 và 2.

Câu 3: Xác định và nêu hiệu quả của một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 4: Anh/chị có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc?

II. Làm văn

Câu 1: (2 điểm) Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh chị về trách nhiệm của thế hệ trẻ với những di sản tinh thần của dân tộc?

Câu 2 (5 điểm) Có ý kiến cho rằng: Trong truyện ngắn Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân đã khắc họa thành công hình tượng Huấn Cao – một con người tài hoa, có cái tâm trong sáng và khí phách hiên ngang, bất khuất. Anh chị hãy phân tích nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân để làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. Đọc hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2:

- Ba truyện cổ tích được gợi ra trong khổ 1: Cây khế, Tấm Cám, Thạch Sanh (Học sinh lựa chọn 2 trong 3 truyện để trả lời)

Câu 3:

- Biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp ngữ

- Tác dụng: Câu văn giàu hình ảnh, nhịp điệu. Qua đó nhấn mạnh tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc, quê hương.

Câu 4:

- Tình cảm của tác giả với những di sản tinh thần của dân tộc: yêu mến, trân trọng, thể hiện qua cách khẳng định bằng điệp ngữ "quê hương tôi", qua giọng điệu say sưa, tự hào.

II. Làm văn

Câu 1:

* Giải thích:

- Di sản tinh thần: là những di sản chứa đựng nét đẹp tinh thần mà cha ông nhiều thế hệ đã dày công xây dựng và vun đắp.

* Tại sao phải giữ gìn, bảo vệ các di sản tinh thần của dân tộc?

- Biểu hiện của lòng yêu nước.

- Di sản tinh thần có giá trị to lớn về nhiều mặt, đánh mất những di sản này là làm nghèo nàn đất nước.

- Di sản tinh thần tạo nên sức mạnh đoàn kết, nối kết các thế hệ

* Việc giữ gìn, bảo vệ di sản tinh thần của giới trẻ hiện nay:

- Về mặt tích cực: Thế hệ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy bản sắc dân tộc bằng những việc làm tích cực: quảng bá di sản tinh thần của dân tộc với bạn bè quốc tế,…

- Về mặt tiêu cực: Một bộ phận thờ ơ với những giá trị về mặt truyền thống của dân tộc, đề cao những giá trị văn hóa du nhập của nước ngoài,…

* Liên hệ bản thân

Câu 2:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

2. Vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huấn Cao

a. Vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ:

* Tài gắn liền với danh:

- Huấn Cao viết chữ đẹp nên nổi tiếng khắp một vùng rộng lớn: vùng Tỉnh Sơn.

- Viên quản ngục và thầy thơ lại cũng biết tiếng.

* Cái tài gắn với sự khao khát, nể trọng của người đời:

- Viên quản ngục khao khát có được chữ ông Huấn Cao để treo trong nhà.

- Viên quản ngục biệt nhỡn qua ánh nhìn, qua hành động biệt đãi

-> Đây không phải một cái tài bình thường mà nó đạt đến độ phi thường và siêu phàm.

b. Vẻ đẹp của thiên lương:

- "Tính ông vốn khoảnh, trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ":

+ "Khoảnh": có phần kiêu ngạo về tài năng viết chữ của mình, có ý thức về giá trị của tài năng ấy, tôn trọng tài năng, sử dụng nó như một món quà mà thượng đế trao cho mình nên chỉ trao nó cho những tấm lòng trong thiên hạ.

-"Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ" -> khí chất, quan điểm của Huấn Cao.

-"Ta cảm tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ" -> tấm lòng của Huấn Cao với những con người yêu cái đẹp, trọng cái tài.

c. Vẻ đẹp của khí phách:

* Tinh thần nghĩa hiệp:

- Là người giỏi chữ nghĩa nhưng không đi theo lối mòn, dám cầm đầu một cuộc đại phản chống lại triều đình mà ông căm ghét.

* Tư thế đàng hoàng, hiên ngang, bất khuất:

- Hành động Huấn Cao cùng các bạn tù giỗ gông. Huấn Cao ở vị trí đầu thang gông – ngay trong tình thế bi đát vẫn đứng ở vị trí chủ soái.

- Trước lời đe dọa của tên lính áp giải tù, Huấn Cao không hề để tâm, coi thường, vẫn lạnh lùng chúc mũi gông đánh thuỳnh một cái xuống nền đá tảng…

* Bản lĩnh cứng cỏi, không sợ quyền uy và không sợ cái chết:

- Cách Huấn Cao đón nhận sự biệt đãi của viên quản ngục.

- Khi viên quản ngục xuống tận phòng giam hỏi han ân cần, chu đáo, Huấn Cao tỏ ra khinh bạc đến điều: "Ngươi hỏi ta muốn gì, ta chỉ muốn có một điều, là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây".

- Vào thời điểm nhận tin dữ (ngày mai vào kinh chịu án chém), Huấn Cao bình tĩnh, mỉm cười.

d. Sự tỏa sáng của ba vẻ đẹp trong cảnh cho chữ:

* Vẻ đẹp tài hoa:

- Tài năng của Huấn Cao không còn là những lời đồn đại nữa, nó đã hiện thành hình: "những nét chữ vuông tươi tắn…"

* Vẻ đẹp khí phách:

- Trái với sự lo lắng của viên quản ngục và thầy thơ lại, Huấn Cao rất thản nhiên đón nhận, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, lặng người ái ngại cho viên quản ngục.

- Không để tâm tới mọi thứ xung quanh, chỉ tập trung vào những nét chữ mà mình đang tạo ra.

* Vẻ đẹp thiên lương:

- Hiểu ra tấm lòng của quản ngục.

- Quan niệm: không được phụ lòng người -> trong những giây phút cuối đời đã viết chữ dành tặng viên quản ngục, dành tặng cho tấm lòng biệt nhỡn liên tài trong thiên hạ.

- Đỡ viên quan coi ngục đứng thẳng dậy, đưa ra những lời khuyên chí tình.

e. Tổng hợp đánh giá về nhân vật:

* Nguyên mẫu: Cao Bá Quát:

- Cùng họ Cao, giữ chức coi sóc việc học ở địa phương.

- Huấn Cao là người tử tù, dám cầm đầu đội quân chống lại triều đình. Cao Bát Quát là thủ lĩnh, quân sư cho cuộc khởi nghĩa của nhân dân Mỹ Lương – Hà Tây chống lại triều đình rồi cũng bị kết án tử hình.

- Cùng được tôn vinh vì tài năng viết chữ đẹp.

- Sự cúi đầu trước Huấn Cao của quản ngục cũng giống như câu thơ của Cao Bá Quát:"Nhất sinh đê thủ bái mai hoa"

* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Mang nhiều dấu ấn của chủ nghĩa lãng mạn:

+ Là con người tài hoa tài tử, khác thường.

+ Dùng thủ pháp cường điệu, phóng đại và thủ pháp đối lập.

- Ngôn ngữ giàu chất tạo hình, dùng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc cổ kính, gợi về cái đẹp của một thời vang bóng.

* Nội dung tư tưởng mà nhân vật truyền tải:

- Quan điểm thẩm mĩ tiến bộ: luôn cho rằng cái đẹp phải gắn liền với cái thiện.

- Thông điệp: cái đẹp sẽ chiến thắng cái xấu xa, cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, ánh sáng sẽ chiến thắng bóng tối.

- Thông qua việc ca ngợi Huấn Cao tác giả tôn vinh những nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc, tôn vinh một trang anh hùng dũng liệt -> Ca ngợi Huấn Cao là biểu hiện kín đáo của lòng yêu nước.

3. Tổng kết.

2.3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu chuyện về hai hạt lúa

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ". Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lửa để lăn vào đó. Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đấy nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới…

Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân mà hãy can đảm bước đi, âm thầm chịu nát tan để góp cho cánh đồng cuộc đời một cây lúa nhỏ – đó là sự lựa chọn của hạt giống thứ hai".

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, 2004)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản

Câu 2: Dựa vào văn bản, hãy cho biết vì sao hạt lúa thứ hai "ngày đêm mong được ông chủ gieo xuống đất"

Câu 3: Hình ảnh 2 hạt lúa có ý nghĩa tượng trưng cho những kiểu người nào trong xã hội?

Câu 4: Thông điệp sâu sắc nhất mà anh chị rút ra từ văn bản trên?

II. Làm văn (7 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Chí Phèo từ khi gặp Thị Nở cho đến trước khi bị Thị Nở từ chối trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. Đọc hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

- Hạt lúa thứ hai ngày đêm mong được ông chủ gieo xuống đất bởi vì nó mong đợi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Câu 3:

- Hình ảnh hai hạt lúa tượng trưng cho 2 kiểu người:

+ Hạt lúa thứ nhất: kiểu người sống trong mức an toàn, không dám làm gì mạo hiểm.

+ Hạt lúa thứ hai: kiểu người dám sống khác, dám đương đầu với thử thách.

Câu 4:

- Anh/chị có thể tự rút ra thông điệp có ý nghĩa cho bản thân mình từ câu chuyện. Có thể thông điệp: Mỗi người hãy dám dấn thân mình, sống một cuộc đời có ý nghĩa.

II. Làm văn

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Nam Cao là cây nút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. "Đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó". Những sáng tác của ông xoay quanh hai đối tượng chính là người nông dân nghèo và người trí thức nghèo.

- Chí Phèo thuộc thể loại truyện ngắn nhưng có dung lượng của tiểu thuyết. Tác phẩm này đã đưa Nam Cao lên vị trí là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc nhất trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Giới thiệu nhân vật

- Xuất thân: là đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi ở lò gạch cũ, được anh đi thả ống lươn nhặt được, mang về cho một bà góa mù, bà góa mù bán cho bác phó cối không con, bác phó cối mất đi thì sống trong sự đùm bọc của dân làng.

=> Mồ côi, bị trao qua đổi lại, lớn lên trong sự cưu mang của cộng đồng.

- Khi lớn lên (20 tuổi): Chí Phèo làm canh điền cho nhà lí Kiến, lành như đất -> lương thiện đích thực:

+ Cày cấy thuê để kiếm sống.

+ Khi bị bà ba gọi vào bóp chân, Chí chỉ thấy nhục -> có lòng tự trọng.

+ Mơ ước về mái ấm hạnh phúc, giản dị: chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải…

=> Là một người lương thiện.

Diễn biến tâm trạng Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở:

* Mối quan hệ Thị Nở và Chí Phèo: Là quan hệ trực tiếp thể hiện phần nhân tính chìm khuất cũng như bi kịch bị từ chối quyền làm người của Chí.

- Sự xuất hiện của Thị Nở có một ý nghĩa khá đặc biệt trong việc thể hiện số phận, tính cách nhân vật Chí.

+ Dưới mắt người dân làng Vũ Đại, thị Nở nghèo, xấu, dở hơi, là dòng dõi của nhà "có ma hủi". Nhưng với Chí thì thị Nở là người "có duyên". Bởi vì thị không chỉ là người mà còn là ước mơ hạnh phúc của Chí, thị đã giúp Chí phát hiện lại chính mình.

+ Nhưng thị cũng là nỗi đau sâu thẳm của Chí. Nghèo xấu, dở hơi…thế mà Chí vẫn không "xứng đôi" với thị => Tô đậm cái bi đát, hẩm hiu trong số phận Chí.

* Việc gặp Thị Nở như một bước ngoặc trong cuộc đời Chí. Tình yêu của Thị Nở dành cho Chí đã thức tỉnh linh hồn của Chí, kéo Chí từ thú vật trở lại làm người

- Chí có sự thay đổi về tâm lí:

+ Hắn thấy hắn già mà vẫn cô độc.

+ Đói rét, bệnh tật hắn có thể chịu được nhưng hắn sợ nhất là sự cô độc.

- Chí cảm nhận được âm vang cuộc sống chung quanh mình:

+ Tiếng chim hót trong lành buổi sáng.

+ Tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá ven sông.

+ Tiếng người cười nói đi chợ về.

- Chí hồi tưởng về quá khứ và hi vọng trong tương lai.

+ Có một thời hắn mơ ước có cuộc sống gia đình "Chồng cày thuê…làm".

+ Thị sẽ mở đường cho Chí trở lại cuộc sống lương thiện.

* Khi bị thị Nở dứt tình thì tâm trạng của Chí có nhiều thay đổi: Chí ngạc nhiên sau đó Chí chợt hiểu. Quá trình diễn biến tâm lí đầy phức tạp: thức tỉnh – hi vọng – thất vọng, đau đớn – phẫn uất – tuyệt vọng.

+ Chí thức tỉnh và muốn làm người lương thiện. Chí không thể đập phá, rạch mặt ăn vạ được nữa.

+ Nhưng ai cho Chí lương thiện.

+ Kẻ thù của Chí không phải một mình bá Kiến mà là cả xã hội đương thời thối nát và độc ác.

+ Dưới con mắt của mọi người, của xã hội ấy, Chí Phèo chỉ có thể là con quỷ dữ không thể là người. Vì thế một người tập trung tất cả cái xấu như thị Nở đã phũ phàng cự tuyệt chí.

+ Chí vô cùng đau đớn tuyệt vọng "ôm mặt khóc rưng rức". Chí dùng dao đâm chết kẻ thù và tự sát. Chí đã chết trên ngưỡng cửa lương thiện => Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người.

3. Tổng kết

- Chí Phèo là một nhân vật điển hình bất hủ của văn xuôi Việt Nam hiện đại. "Hiện tượng Chí Phèo" in đậm dấu ấn của thời kì Tiền khởi nghĩa 1940 – 1945.

- Nam Cao đã rất thành công trong việc tạo dựng hình tượng nhân vật Chí Phèo thông qua bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo, giọng kể độc đáo, có sự kết hợp giữa lời trực tiếp với lời nửa trực tiếp.

2.4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 4

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Virus Zika là loại virus nguy hiểm liên quan đến dị tật bẩm sinh. Hãy tự biết cách để bảo vệ sức khỏe của mình và người thân bằng các phương pháp phòng tránh.

Người mắc bệnh này thường có biểu hiện sốt, đau cơ, nhức đầu và đau mắt. Theo WHO, có rất nhiều trường hợp bệnh nhân mắc bệnh Zika lại không có biểu hiện hay triệu chứng gì. Chính điều này khiến cho khả năng lây lan truyền nhiễm bệnh càng cao, rất nguy hiểm đặc biệt trong khu vực nhiệt đới.

Virus Zika được phát hiện đầu tiên vào năm 1947 tại khu rừng Zika của Uganda. Trường hợp tiếp theo được phát hiện và ghi nhận tại Nigeria vào năm 1954. Từ đó chúng trở nên lưu hành ở nhiều nước khu vực châu Phi. Cũng theo đó, trường hợp đầu tiên mắc bệnh này ở châu Á là tại đảo Yap thuộc Liên bang Micronesia vào năm 2007. Vào băm 2013, tại French Polynesia cũng ghi nhận ổ dịch đầu tiên rồi lây lan ra các đảo khu vực Thái Bình Dương như (New Caledonia, đảo Cook, đảo Easter). Thái Lan cũng đã ghi nhận 1 trường hợp mắc bệnh Zika vào năm 2013.

Với phương thức lây truyền chủ yếu là qua muỗi Aedes và thời gian ủ bệnh là từ 3 đến 12 ngày (đây là loại muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết). Hoặc bệnh Zika lây truyền qua đường máu, từ mẹ sang con và qua đường tình dục, tuy nhiên tới hiện tại cũng chưa có sự ghi nhận nào cho những đường lây truyền này.

Hiện nay tại Việt Nam đã phát hiện nhiều trường hợp nhiễm virus Zika. Bộ Y tế khuyến cáo người dân nên chủ động phòng tránh bệnh bằng những biện pháp như:

- Không tạo cơ hội và môi trường để muỗi đẻ trứng như các dụng cụ chứa nước, bể nước phải đậy kín.

- Diệt loăng quăng và bọ gậy thường xuyên bằng cách thả cá vào các dụng cụ chứa nước lớn. Vệ sinh và rửa sạch các dụng cụ chứa nước vừa và nhỏ. Không để nước ứ đọng trong bình, lọ, chai nơi ẩm thấp trong nhà và phải thay nước thường xuyên tránh nuôi muỗi.

- Loại bỏ các chất thải, phế liệu, các hốc nước tự nhiên để muỗi không thể đẻ trứng.

- Khi ngủ nhớ mắc màn, che đậy cẩn thận. Sử dụng các loại thuốc bôi, xịt trên da tránh bị muỗi đốt.

- Phun hóa chất diệt muỗi và chống dịch an toàn, đúng cách.

- Phải đến ngay trạm y tế để thăm khám khi có dấu hiệu của việc cảm cúm, ốm. Không tự ý điều trị bệnh ở nhà.

- Tích cực phối hợp với ngành y tế trong các đợt phun hóa chất diệt muỗi để phòng, chống dịch.

- Khi bị sốt đến ngay cơ sở y tế để được khám và tư vấn điều trị. Không tự ý điều trị tại nhà.

(Theo Gia đình Việt Nam)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. Đặt tên cho văn bản.

Câu 2. Nêu nội dung được đề cập đến trong văn bản.

Câu 3. Tại sao Virus Zika là loại virus nguy hiểm?

Câu 4. Bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm góp phần bảo vệ sức khoẻ trong cuộc sống hôm nay (Trình bày trong khoảng 5-7 câu)

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo (truyện ngắn: "Chí Phèo" của Nam Cao) từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ khoa học

- Có thể đặt tên: Virus Zika và cách phòng ngừa

Câu 2:

Nội dung được đề cập đến trong văn bản:

- Biểu hiện của Virus Zika

- Nguồn gốc của Virus Zika

- Những mối nguy hiểm và cách phòng ngừa Virus Zika

Câu 3:

Virus Zika là loại virus nguy hiểm?

- Vì nó để lại dị tật bẩm sinh (teo não, đầu nhỏ ở trẻ)

- Bệnh nhân mắc bệnh Zika lại không có biểu hiện hay triệu chứng gì. Khả năng lây lan truyền nhiễm bệnh càng cao, rất nguy hiểm đặc biệt trong khu vực nhiệt đới.

- Lây truyền qua đường muỗi đốt;

- Chưa có thuốc đặc hiệu để chữa trị.

Câu 4:

Bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm góp phần bảo vệ sức khoẻ trong cuộc sống hôm nay (Trình bày trong khoảng 5-7 câu)

Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, cần đảm bảo các ý chính:

- Sức khoẻ là quý nhất trong đời sống của mỗi người (sức khoẻ là vàng)

- Bảo vệ sức khoẻ không những là trách nhiệm của mỗi người mà còn là của cả cộng đồng xã hội, cần thực hiện khẩu hiệu phòng bệnh hơn chữa bệnh.

www.eLib.vn

- Phê phán những biểu hiện coi thường sức khoẻ của mình và của người khác (gây ô nhiễm mội trường, không an toàn thực phẩm…)

- Bài học nhận thức và hành động: giữ gìn sức khoẻ trên cả 2 mặt thể xác và tinh thần; tuyên truyền phòng chống những dịch bệnh nguy hiểm mới xuất hiện trên thế giới và trong nước…

II. LÀM VĂN

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.

b. Khái quát sơ lược cuộc đời Chí Phèo để dẫn đến đoạn gặp Thị Nở và thức tỉnh.

c. Diễn biến tâm trạng:

* Trước hết là sự thức tỉnh. Bắt đầu là tỉnh rượu: Cảm nhận về không gian sống, âm thanh, ánh sáng… Sau bao nhiêu năm gần như sống trong vô thức, triền miên say thì Chí Phèo đã cảm nhận thấy lòng "bâng khuâng", "miệng đắng", "lòng mơ hồ buồn". Những sợi dây thần kinh cảm giác của một con người đã trở lại trong Chí.

* Sau khi tỉnh rượu, Chí Phèo dần tỉnh ngộ. Hắn nhớ lại quá khứ, nhìn lại hiện tại và suy ngẫm về tương lai.

- Chí Phèo ăn bát cháohành được trao từ bàn tay ấm nóng đầy tình thương của Thị Nở, hắn vô cùng cảm động và thực sự phục sinh tâm hồn. Hắn "rấtngạc nhiên", "mắt hắn hình như ươn ướt" bởi vì "đây là lần thứ nhất hắn được người ta cho cái gì". Hắn nhận ra "Trời ơi, chào mới thơm làm sao!". Hương vị của bát chào hành hay hương vị củatình yêu chân thành và cảm động, hạnh phúc giản dị và thấm thía lần đầu tiên Chí Phèo được hưởng đã đánh thức nhân tính vùi dập bấy lâu?

- Khát khao lương thiện"Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biếtbao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn", mọi người sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng của những con người lương thiện.

- Khát vọng hạnh phúc: Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng nhất định sẽ lấy nhau.

- Giá trị nhân đạo: Nam Cao thể hiện sức sống bất diệt của "thiên lương". Lương thiện, khát khao hạnh phúc là bản tính tự nhiên của con người, không một thế lực tàn bạo nào có thể hủy diệt. Ngay cả khi con người bị tha hóa, bản chất ấy chỉ tạm thời lắng xuống chứ không biến mất. Nó giống như ngọn lửa vẫn đang âm ỉ cháy dưới đống tro tàn nguội lạnh mà chỉ cần một ngọn gió mát lành của tình yêu thương thổi

tới nó sẽ bùng cháy mãnh liệt. Quá trình thức tỉnh của Chí Phèo đã cho thấy ngòi bút nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao.

* Nghệ thuật: Thành công đáng lưu ý nhất của Nam Cao qua đoạn trích này là việc khám phá, miêu tả thế giới nội tâm để khẳng định bản chất tốt đẹp của nhân vật. Cốt truyện của tác phẩm hấp dẫn, tình tiết đầy kịch tính và luôn biến hóa, bất ngờ. Cách trần thuật linh hoạt, phóng túng, phong phú. Nhờ đó, nhà văn tạo nên những giọng điệu đan xen nhau hấp dẫn người đọc.

2.5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 5

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Có một truyền thuyết về con chim chỉ hót một lần trong đời, nhưng hót hay nhất thế gian. Có lần nó rời tổ bay đi tìm bụi mận gai và tìm cho bằng được mới thôi. Giữa đám cành gai góc, nó cất tiếng hát bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Vượt lên trên nỗi đau khổ khôn tả, nó vừa hót vừa lịm dần đi, và tiếng ca hân hoan ấy đáng cho cả sơn ca và họa mi phải ghen tị. Bài ca duy nhất có một không hai, bài ca phải đổi bằng tính mạng mới có được. Nhưng cả thế gian lặng đi lắng nghe, và chính thượng đế trên Thiên đình cũng mỉm cười. Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được khi ta chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại… Ít ra truyền thuyết nói như vậy.

(Tiếng chim hót trong bụi mận gai, Colleen McCulough, NXB Văn học, 2004, tr8)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2: Hình ảnh chiếc gai dài nhất, nhọn nhất ẩn dụ cho điều gì?

Câu 3: Câu chuyện trên gửi đến độc giả thông điệp gì?

Câu 4: Anh/chị hãy rút ra bài học sâu sắc cho bản thân (Không lặp lại thông điệp đã nêu ở câu 3)

II. Làm văn

Cảm nhận của anh/chị về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam, Ngữ Văn 11, tập 1.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. Đọc hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

- Hình ảnh chiếc gai dài nhất, nhọn nhất là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn, thử thách mà con người phải vượt qua trong cuộc sống.

Câu 3:

Gợi ý:

- Những gì tốt đẹp nhất trong cuộc sống (tri thức, tình bạn, tình yêu, hạnh phúc...) chỉ có thể có được khi ta trải qua những khó khăn, gian khổ, thậm chí phải trả giá bằng chính nỗi đau khổ "vĩ đại", bằng cả sự sống và sinh mạng của mình)

- Mỗi người hãy biết vượt lên trên những gian khổ, bất hạnh bằng nghị lực và khát vọng sống mãnh liệt để dâng hiến cho cuộc đời những điều đẹp đẽ, quí giá.

- Ý nghĩa của cuộc đời không phải là ta đã tồn tại bao lâu mà là ta đã sống như thế nào và làm được điều gì trong cuộc đời....

Câu 4:

- Bài học về nghị lực sống, dám vượt khó để giành những điều tốt đẹp nhất.

- Bài học về lí tưởng sống đẹp, sẵn sàng trả giá để sống có ý nghĩa, tránh xa cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng vô nghĩa.

- Bài học về sự biết ơn, trân trọng thành quả lao động và những điều vô giá khác (độc lập, tự do...) vì để có được những điều qúi giá đó, loài người phải trả giá bằng công sức, thậm chí cả sinh mệnh của chính mình....

II. Làm văn

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Dẫn dắt vấn đề

2. Thân bài:

2.1. Bức tranh thiên nhiên phố huyện lúc chiều tàn:

* Cảnh ngày tàn:

- Âm thanh: tiếng trống thu không nhỏ dần từ xa vọng lại, tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng, tiếng muỗi vo ve. Đây là những âm thanh đặc trưng của làng quê

- Nghệ thuật: lấy động tả tĩnh

- Màu sắc:

+ "chân trời phương tây đỏ rực như lửa cháy và những áng mây ánh hồng như hòn than sắp tàn"

+ "màu đen của dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời"

⇒ Âm thanh và màu sắc gợi nỗi buồn thấm thía, cảm giác tàn lụi.

- Tâm trạng của Liên: Tâm hồn cô bé nhạy cảm, tinh tế, xao xuyến một nỗi buồn man mác: "Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn".

* Cảnh chợ tàn

- Âm thanh: "Chợ họp giữa phố đã vãn từ lâu, người về hết, tiếng ồn ào cũng mất". Phố huyện chỉ còn lại sự trống vắng, quạnh hiu.

- Hình ảnh chợ huyện lúc vãn: "trên nền chợ đầy rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía".

- Những đứa trẻ nghèo nhặt rác, chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre hay bất cứ cái gì có thể dùng được.....

- Tâm trạng Liên: động lòng thương cảm.

Liên là cô bé có tâm hồn nhạy cảm, giàu lòng yêu thương con người. Một nét đẹp tâm hồn mà nhà văn Thạch Lam nâng niu, trân trọng.

* Những kiếp người tàn

- Mẹ con chị Tí:

+ Ngày ngày mò cua bắt ốc, đêm đến lại lầm lũi dọn hàng nước.

+ Khách hàng toàn là những người dưới đáy xã hội.

+ Dẫu chả kiếm được bao nhiêu nhưng đêm nào mẹ con chị Tí cũng dọn hàng.

⇒ Mẹ con chị đang cầm cự trong sự sống.

- Chị em Liên với của hàng tạp hóa sơ sài.... chẳng đáng là bao.

- Bà cụ Thi là nhân vật điển hình cho số phận tàn tạ trong cái đêm đen của xã hội ấy.

⇒ Diễn biến tâm trạng Liên thể hiện một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và đồng cảm với những con người không tương lai, không hạnh phúc

2.2. Nghệ thuật:

- Kết hợp giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn trữ tình

- Câu văn xuôi giàu chất thơ, khéo léo kết hợp các chi tiết

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật

3. Kết bài: Nêu cảm nhận chung.

2.6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 6

TRƯỜNG THPT TRƯỜNG CHINH

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I. Đọc hiểu (4 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hôm nay là ngày đầu tiên thầy giáo mới vào dạy môn Toán. Vừa vào lớp, thầy cho cả lớp làm bài kiểm tra đầu năm. Cả lớp ngạc nhiên khi thầy phát cho ba loại đề khác nhau rồi nói:

- Đề thứ nhất gồm những câu hỏi vừa dễ vừa khó, nếu làm hết các em sẽ được điểm 10. Đề thứ hai có số điểm cao nhất là 8 với những câu hỏi tương đối dễ. Đề thứ ba có số điểm tối đa là 6 với những câu hỏi rất dễ. Các em được quyền chọn đề cho mình.

Thầy chỉ cho làm bài trong 15 phút nên ai cũng chọn đề thứ 2 cho chắc ăn.

Một tuần sau, thầy trả bài kiểm tra. Cả lớp lại càng ngạc nhiên hơn khi biết ai chọn đề nào thì được tổng số điểm của đề đó, bất kể làm đúng hay sai. Lớp trưởng hỏi thầy:

- Thưa thầy tại sao lại như thế a.?

Thầy cười nghiêm nghị trả lời:

- Với bài kiểm tra này thầy chỉ muốn thử thách...

(Trích "Hạt giống tâm hồn")

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2: Tại sao cả lớp lại ngạc nhiên khi thầy giáo trả bài kiểm tra?

Câu 3: Hãy viết tiếp câu nói của thầy với cả lớp sao cho phù hợp với mạch nội dung của câu chuyện trên (tối đa 4 dòng)

Câu 4: Bài kiểm tra kì lạ của người thầy trong câu chuyện trên đã dạy cho chúng ta bài học gì? Trình bày suy nghĩ bằng một đoạn văn (7 - 10 dòng)

Phần II. Làm văn (6 điểm)

Vì sao đêm đêm chị em Liên trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam lại cố thức chờ đợi đoàn tàu chạy qua nơi phố huyện? Hãy phân tích ý nghĩa của việc chờ đợi tàu của chị em Liên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1: Phương thức biểu đạt: tự sự

Câu 2: Cả lớp ngạc nhiên khi thầy giáo trả bài kiểm tra vì ai chọn đề nào thì sẽ được tổng số điểm của đề đó.

Câu 3: Viết tiếp lời thầy: Nói về lòng tự tin, dám đối đầu với thử thách để biến ước mơ thành sự thật (viết không quá 4 dòng)

Câu 4: Bài kiểm tra kì lạ của thầy đã dạy cho chúng ta một bài học: "Có những việc thoạt nhìn tưởng như rất khó khăn nên dễ làm chúng ta nản chí, không tin là mình có thể làm được. Nhưng nếu không tự tin đối đầu với thử thách thì chúng ta chẳng biết khả năng của mình đến đâu và cũng khó vươn tới đỉnh cao của sự thành công. Vì thế mỗi chúng ta cần rèn luyện cho mình sự tự tin để chiến thắng chính mình, vững vàng trước khó khăn thử thách, trưởng thành hơn trong cuộc sống và vươn tới thành công.

Phần II: Làm văn

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Thạch Lam

- Giới thiệu truyện ngắn Hai đứa trẻ

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài:

* Giải thích, phân tích:

Đối với mọi người:

- Tìm một chút ánh sáng mới, kiếm thêm chút tiền, bán thêm ít hàng cho những người trên tàu.

=> Tất cả những con người ấy làm những việc quen thuộc của mình, nhưng dường như không phải vì mục đích đó. Họ làm vì thói quen? Vì để tránh sự buồn chán vào ban đêm ở phố huyện nghèo? Hay làm vì chừng ấy con người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ.

Đối với chị em Liên:

- Khi đoàn tàu đi qua, Liên nhớ về quá khứ với những kỉ niệm đẹp đẽ:

+ Hấp dẫn, sinh động: Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chị được hưởng những thức quà ngon, lạ — bây giờ mẹ Liên nhiều tiền, được đi chơi Bờ Hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ.

+ Nhiều ánh sáng. Ngoài ra, kỉ niệm Hà Nội nhớ lại không rõ rệt cái gì, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh. Hà Nội nhiều đèn quá!

- Đoàn tàu:

+ Chuyến tàu đó là hoạt động cuối cùng của ban đêm.

+ Mọi người cùng mong đợi: Bác Siêu nghển cổ ra phía ga lên tiếng; Đèn ghi đã ra kia rồi.

+ Một sự khác lạ: Liên cũng trông thấy ngon lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trơi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu cùng vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh khi vào nghỉ. Một làn khối bùng sáng trắng lên đàng xa. tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Tiếng còi đã rít lên và tàu rầm rộ đi tới... đoàn xe vút qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu sáng cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các toa cửa kính sáng.

+ Làm xáo động cuộc sống vốn tĩnh lặng: Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng lại không còn nghe thấy nữa. Cả phố huyện mới thật hết xáo động.

+ Không thuộc thế giới nơi chị em Liên sống, nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực, vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn chị Tí và ánh lửa của bác Siêu.

+ Gợi lên những khát vọng mơ hồ nhưng cay đắng. Chừng ấy con người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ. Liên lặng lẽ theo mơ tưởng.

c. Kết bài:

- Thương cảm với cảnh sống nghèo khó, vô danh, vô nghĩa: Ước mơ rất đỗi bình thường và nhỏ bé, chỉ là một đoàn tàu vụt qua trong đêm tối.

- Thể hiện cái nhìn lạc quan về con người: Họ còn sự gắn bó, muốn thay đổi trong cuộc sống. Tất cả mọi người đều biết ước mơ, mong mỏi thay đổi nào đó, dù rất mơ hồ, rời rạc. Điều đó chứng tỏ, ngày dù tàn, cảnh cũng tàn nhưng lòng và đời của họ không tàn, nhất là với đứa trẻ như chị em Liên.

2.7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 7

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I: Đọc - hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

... Với một tốc độ truyền tải như vũ bão, Internet nói chung, Facebook nói riêng hàm chứa nhiều thông tin không được kiểm chứng, sai sự thật, thậm chí độc hại. Vì thế, nó cực kì nguy hiểm, có thể gây ảnh hưởng xấu đến chính trị, kinh tế, đạo đức ... và nhiều mặt của đời sống, có thể gây nguy hại cho quốc gia, tập thể hay các cá nhân. Do được sáng tạo trong môi trường ảo, thậm chí nặc danh nên nhiều "ngôn ngữ mạng" trở nên vô trách nhiệm, vô văn hóa... Không ít kẻ tung lên Facebook những ngôn ngữ tục tĩu, bẩn thỉu nhằm nói xấu, đả kích, thóa mạ người khác. Chưa kể đến những hiện tượng xuyên tạc tiếng Việt, viết tắt, kí hiệu đến kì quặc, tùy tiện đưa vào văn bản những chữ z, f, w vốn không có trong hệ thống chữ cái tiếng Việt, làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt...

(Trích Bàn về Facebook với học sinh, Lomonoxop.Edu.vn)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên. Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ chính được sử dụng trong văn bản. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ của anh/chị về tác hại của Facebook đối với giới trẻ ngày nay.

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương để thấy được tấm lòng yêu thương, quý trọng vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần I: Đọc - hiểu

Câu 1:

- Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 2:

- Nội dung chính: Bàn về tác hại của facebook/ Facebook và sự ảnh hưởng của nó đến các mặt đời sống xã hội.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ: liệt kê

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh những ảnh hưởng của facebook

+ Đoạn văn nhịp nhàng, cân đối, giàu sức diễn đạt.

Câu 4:

- Yêu cầu HS nắm vững kĩ năng viết đoạn văn ngắn đảm bảo về hình thức, nội dung, không sai ngữ pháp, dùng từ, đặt câu

- Một số tác hại: Tốn thời gian; ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập; dễ bị lừa đảo; bị ăn cắp thông tin cá nhân…

Phần II: Làm văn

a. Mở bài:

- Giới thiệu đôi nét về nhà thơ Trần Tế Xương, hay còn gọi là Tú Xương hay Tú Mỡ, là một trong những nhà thơ có cách viết trào phúng, hài hước.

- Giới thiệu về bài thơ "Thương vợ".

b. Thân bài:

* Hình ảnh bà Tú

"Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng"

- Công việc: buôn bán

- Thời gian: quanh năm => từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi.

- Địa điểm: mom sông (phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán) => hai chữ "mom sông" gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.

- "Nuôi đủ năm con với một chồng": Gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ.

+ Cách đếm con, chồng => ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải "ăn lương vợ"

=> Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.

"Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông"

- Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú: thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ

- Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm.

- Câu thơ dùng phép đảo ngữ (đưa từ "lặn lội" lên đầu câu) và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ, vì thế, mà cũng sâu sắc hơn, thấm thía hơn.

- Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú: "Eo sèo mặt nước buổi đò đông"

+ Eo sèo: là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu => gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi "mặt nước"

+ Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ.

+ "Buổi đò đông" hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng".

+ Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để "nuôi đủ năm con với một chồng" phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.

"Một duyên hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng, mười mưa dám quản công"

- Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ: "một duyên hai nợ" và "năm nắng mười mưa", đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt:

+ "Duyên" là duyên số, duyên phận, là cái "nợ" đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng.

+ "Nắng", "mưa" tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực.

+ Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: "một… hai… năm… mười…" làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình.

+ "Âu đành phận",… "dám quản công"… giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le.

=> Tóm lại, sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.

* Nỗi lòng của tác giả:

- Hai câu kết, Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi "mom sông" lúc "buổi đò đông" đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị:

"Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không."

+ Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là "quan ăn lương vợ", dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.

=> Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.

c. Kết bài:

- Cảm nhận chung về giá trị của bài thơ.

2.8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 8

TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I: Đọc - hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) vừa đưa ra dự báo, Việt Nam sẽ mất hơn 40 năm nữa để vượt qua mốc thu nhập trung bình. 40 năm nữa nghĩa là chúng ta, những người đang đọc bài viết này đều đã già, rất già. Thậm chí, có những người có thể đã ở thế giới bên kia. Nhưng điều nguy hiểm là không chỉ từng cá nhân, mà ngay cả đất nước này khi ấy cũng đã già nua.

... (2) Cũng giống như một đời người, thời điểm dân số già là lúc quốc gia sẽ phải tiêu tốn tiền bạc đã tích lũy được trong suốt "thời trẻ khỏe" để phục vụ cho giai đoạn không còn hoặc suy giảm khả năng sản xuất. Chẳng hạn, năm 2009 cứ hơn bảy người đi làm mới phải "nuôi" một người già. Nhưng đến năm 2049, cứ hai người làm việc đã phải gánh một người già (chưa kể còn trẻ em). Khi ấy, nếu chúng ta chưa tạo dựng được một nền kinh tế đủ mạnh, cùng nền tảng khoa học kỹ thuật phát triển thì gánh nặng an sinh xã hội cũng như nguy cơ tụt hậu là rất lớn.

(3) Hành động vì tương lai ngay từ lúc này, theo tôi, là điều cần thiết với cả xã hội. Với những người có thẩm quyền, cần cân nhắc và trân trọng từng đồng tiền ngân sách. Nợ công được khẳng định vẫn trong giới hạn an toàn. Nhưng cần tính toán trước rằng, 10-20 năm nữa, khoản nợ ấy sẽ dồn lên vai một cộng đồng dân số đã già, chưa chắc nuôi nổi bản thân, huống hồ là trả nợ. Từng giọt dầu, từng mẩu tài nguyên... cũng cần được tiết kiệm. Bởi đó chính là "của để dành" khi đất nước về già, năng suất lao động đã sụt giảm.

(Phan Tất Đức, Già trước khi giàu, Vn.Express, Thứ sáu, 26/9/2014)

Câu 1: Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2: Xác định thao tác lập luận chính trong đoạn (2) của đoạn trích và nêu tác dụng của thao tác lập luận đó.

Câu 3: Theo tác giả, đất nước chúng ta cần làm gì để không rời vào hoàn cảnh già trước khi kịp giàu?

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Phân tích hình ảnh bà Tú trong bài thơ Thương vợ của Tú Xương.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần I: Đọc - hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2:

- Thao tác lập luận so sánh

- Tác dụng:

+ Giúp người đọc dễ hình dung hơn về những khó khăn của thời điểm dân số già đối với một đất nước, đặc biệt là đất nước đang phát triển.

+ Từ đó, mỗi người có nhận thức và hành động đúng để Việt Nam không bị già trước khi giàu.

Câu 3:

- Theo tác giả, đất nước chúng ta cần làm gì để không rơi vào hoàn cảnh già trước khi kịp giàu:

+ Với những người có thẩm quyền, cần cân nhắc và trân trọng từng đồng tiền ngân sách, biết tiết kiệm tài nguyên.

+ Tất cả mọi người, đặc biệt là các bạn trẻ cần tranh thủ từng phút, từng giờ để học hỏi, phấn đấu, làm việc.

Phần II: Làm văn

1. Mở bài:

- Giới thiệu đôi nét về nhà thơ Trần Tế Xương, hay còn gọi là Tú Xương hay Tú Mỡ, là một trong những nhà thơ có cách viết trào phúng, hài hước.

- Giới thiệu về bài thơ "Thương vợ".

- Giới thiệu hình ảnh bà Tú

2. Thân bài:

a. Hình ảnh bà Tú

* Hai câu thực:

"Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng"

- Công việc: buôn bán

- Thời gian: quanh năm=> từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi.

- Địa điểm: mom sông (phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán)=> hai chữ "mom sông" gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.

- "Nuôi đủ năm con với một chồng": Gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ.

+ Cách đếm con, chồng => ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải "ăn lương vợ"

=> Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.

* Hai câu đề:

"Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông"

- Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú: thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ

- Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm.

- Câu thơ dùng phép đảo ngữ (đưa từ "lặn lội" lên đầu câu) và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ, vì thế, mà cũng sâu sắc hơn, thấm thìa hơn.

- Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú: "Eo sèo mặt nước buổi đò đông."

+ Eo sèo: là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu => gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi "mặt nước"

+ Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ.

+ "Buổi đò đông" hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng".

+ Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để "nuôi đủ năm con với một chồng" phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.

* Hai câu luận

"Một duyên hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng, mười mưa dám quản công."

- Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ: "một duyên hai nợ" và "năm nắng mười mưa", đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt:

+ "Duyên" là duyên số, duyên phận, là cái "nợ" đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng.

+ "Nắng", "mưa" tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực.

+ Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: "một… hai… năm… mười… làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình.

+ "Âu đành phận",… "dám quản công"… giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le.

=> Tóm lại, sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.

b. Nỗi lòng của tác giả

- Hai câu kết, Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi "mom sông" lúc "buổi đò đông" đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị:

"Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không."

+ Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú

Xương dám thừa nhận mình là "quan ăn lương vợ", dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.

=> Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.

b. Nghệ thuật

- Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm.

- Vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ của văn học dân gian.

- Hình tượng nghệ thuật độc đáo.

3. Kết bài:

- Cảm nhận chung về giá trị của bài thơ.

2.9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 9

TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I: Đọc - hiểu (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Đò lên Thạch Hãn ơi… chèo nhẹ

Đáy sông còn đó bạn tôi nằm

Có tuổi hai mươi thành sóng nước

Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm.

(Lê Bá Dương, Lời người bên sông)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2: Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong hai câu thơ "Có tuổi hai mươi thành sóng nước/ Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm"

Câu 3: Tác giả thể hiện những tâm tư, tình cảm gì khi đứng trước dòng sông Thạch Hãn?

Câu 4: Từ bài thơ, anh/chị hãy viết đoạn văn (8-12 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về trách nhiệm của học sinh hiện nay với đất nước.

Phần II: Làm văn (6,0 điểm)

Phân tích bức tranh phố huyện lúc về đêm cho đến khi đoàn tàu chạy qua trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần I: Đọc - hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2:

- Biện pháp nghệ thuật:

+ Hoán dụ: có tuổi hai mươi gợi tuổi trẻ, phần đời sôi nổi, nhiệt huyết, ý nghĩa nhất của mỗi người.

+ Ẩn dụ: sóng nước: chỉ sự hóa thân của những người lính đã hi sinh; bờ: gợi hình dung về quê hương, Tổ Quốc → ca ngợi ý nghĩa sự hi sinh của những người lính với dân tộc.

- Tác dụng: Bài thơ gợi hình, gợi cảm, gợi sự xúc động với người đọc.

Câu 3:

- Thể hiện sự xúc động, xót thương và trân trọng những đồng đội đã hi sinh.

- Ca ngợi sự cống hiến, hi sinh của các anh hùng liệt sĩ để làm nên nền hòa bình, độc lập của dân tộc. Những người lính đã ngã xuống nhưng tuổi hai mươi của họ sẽ bất tử cùng Tổ Quốc.

Câu 4:

* Gợi ý:

- Trách nhiệm của học sinh thanh niên hiện nay với đất nước:

+ Sống, học tập và cống hiến cho đất nước

+ Rèn luyện nhân cách, tu dưỡng đạo đức, bồi đắp lòng yêu nước

+ Trách nhiệm nghĩa vụ với đất nước phải gắn liền với những việc làm thiết thực, ý nghĩa...

+ Quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước với bạn bè quốc tế.

Phần II: Làm văn

1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

2. Phân tích:

* Không gian phố huyện lúc đêm khuya: Bóng tối tối dày đặc bao trùm lên phố huyện đối lập với ánh sáng nhỏ nhoi, mong manh. Thế giới bóng tối cũng chính là cuộc sống tăm tối và tù túng đang bao phủ con người

* Cuộc sống của con người nghèo khó, bấp bênh, bế tắc. Nhịp sống cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu, quẩn quanh, tẻ nhạt, mỏi mòn, buồn chán. "Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ".

* Phố huyện lúc chuyến tàu đêm đi qua:

- Khi tàu đến:

+ Từ xa: sự xuất hiện của người gác ghi. Ngọn lửa xanh biếc, một làn khói bừng sáng. Tiếng còi vang lại, tiếng xe rít mạnh vào ghi, tiếng hành khách ồn ào khe khẽ

+ Đến gần: Tiếng còi rít lên, tàu rầm rộ đi tới; lố nhố những người, các cửa kính sang trọng. các toa đèn sáng trưng, sang trọng, đồng và kền lấp lánh.

=> Tâm trạng vui mừng, hân hoan, hạnh phúc. Chuyến tàu tới làm cho phố huyện bừng sáng. Ánh sáng và âm thanh náo nhiệt của đoàn tàu đã phá vỡ màn đêm mênh mông và tịch mịch của phố huyện.

- Tàu đi qua:

+ Những đốm than đỏ, chiếc đèn xanh… khuất sau rặng tre. Phố huyện tịch mịch và đầy bóng tối

→ Nuối tiếc, lặng theo mơ tưởng về Hà Nội.

=> Đoàn tàu là biểu tượng về một thế giới tươi sáng và tốt đẹp hơn trong ước mơ của những người dân nơi phố huyện nghèo.

* Tâm trạng của Liên:

- Gần gũi với thiên nhiên, với phố huyện

- Nhớ những kỉ niệm về Hà Nội - "một vùng sáng rực và lấp lánh"

- Cảm thông, dõi theo cuộc sống của những mảnh đời nghèo khổ nơi phố huyện

- Cố thức để được nhìn chuyến tàu đi qua – sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya

=> Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu. Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu lòng trắc ẩn, đôn hậu.

=> Chờ đợi đoàn tàu trong niềm nuối tiếc về quá khứ, về Hà Nội, những ngày tháng hạnh phúc, ấm áp, sung túc khi xưa; ước mơ về một thế giới khác đi qua, rực rỡ, vui tươi, tràn đầy âm thanh và ánh sáng.

* Nghệ thuật: Nghệ thuật đối lập, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu…

3. Kết thúc vấn đề: Qua nhân vật Liên nhà văn bày tỏ sự xót thương sâu sắc với những kiếp người nhỏ bé, cơ cực; sự đồng cảm, trân trọng với ước mơ, khát vọng của con người.

2.10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 11 số 10

TRƯỜNG THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Thành công và thất bại chỉ đơn thuần là những điểm mốc nối tiếp nhau trong cuộc sống để tôi luyện nên sự trưởng thành của con người. Thất bại giúp con người đúc kết được kinh nghiệm để vươn tới chiến thắng và khiến nhữngthành công đạt được thêm phần ý nghĩa. Không có ai luôn thành công hay thất bại, tuyệt đối thông minh hay dại khờ, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người. Như chính trị gia người Anh, Sir Winston Churchill, từng nói, "Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn.". Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công. Tuy nhiên, đừng sa vào

vững lầy bi quan đó, thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống. Đó là một điều bạn không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói thực sự là trải nghiệm mà bạn nên có trong đời. Vì vậy, hãy thất bại một cách tích cực."

("Học vấp ngã để từng bước thành công" - John C.Maxwell)

Câu 1 (0.5 điểm): Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2 (0.5 điểm): Xác định chủ đề của đoạn trích?

Câu 3 (1.0 điểm): Hãy xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: "Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn."

Câu 4 (1.0 điểm): Tại sao tác giả lại nói:…. "thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống"?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau: "Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội."

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích bài Tự tình II của Hồ Xuân Hương. Qua số phận người phụ nữ trong xã hội xưa, anh/chị có suy nghĩ gì về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 2:

- Chủ đề đoạn trích: Sự tất yếu của thành công và thất bại trong cuộc sống

Câu 3:

- Biện pháp tu từ: điệp từ "khó khăn", "cơ hội"

- Tác dụng: Làm cho câu văn có nhịp điệu, giàu giá trị tạo hình. Qua đó nhấn mạnh cách nhìn của một người đối với khó khăn và cơ hội.

Câu 4:

- "Lẽ tự nhiên" hay "phần tất yếu" tức là điều khách quan, ngoài ý muốn con người và con người không thể thay đổi.

+ Bởi vì trong cuộc sống không ai là không gặp thất bại. Có người thấy bại nhiều, thấy bại lớn. Có người thất bại ít, thất bại nhỏ.

+ Vì đó là điều tất yếu nên ta đừng thất vọng và chán nản. Hãy dũng cảm đối mặt và vượt qua.

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1:

* Giải thích:

- Người thành công là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.

- Kẻ thất bại là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra.

- Cơ hội: hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.

* Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống.

* Bình luận

- Thành và bại luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)

- Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống:

+ Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.

+ Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.

- Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.

- Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước. Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài.

- Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.

* Bài học nhận thức và hành động

- Cần phải có niềm tin, nghị lực lớn để vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, để luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn.

- Không ngại đối mặt với khó khăn. Coi khó khăn, thử thách như một phần tất yếu của cuộc sống.

- Luôn hành động mạnh mẽ, quyết đoán để khắc phục khó khăn…

Câu 2:

* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

* Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ

a. Phân tích 2 câu đề: Nỗi lòng cô đơn, buồn tủi và khát vọng hạnh phúc của nhân vật trữ tình

- Bài thơ mở ra bằng một hoàn cảnh tâm trạng khá đặc trưng:

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non"

+ Thời gian: đêm khuya

+ Không gian: trống trải, mênh mông, văng vẳng tiếng trống cầm canh

=> Câu thơ đầu của bài thơ đã gợi buồn. Cái buồn gợi ra từ sự tĩnh lặng của đêm khuya. Tiếng trống không gần (văng vẳng) mà vẫn nghe thấy cái nhịp vội vàng, gấp gáp, ấy là vì tiếng trống gợi bước đi của thời gian, gợi sự tàn phá và nó là tiếng trống được cảm nhận bằng tâm trạng. Chính vì thế mà trong cái nhịp gấp gáp, liên hồi của tiếng trống canh ta như nghe thấy cả bước đi dồn dập của thời gian và sự rối bời trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Câu thơ thứ hai gợi cảm nhận về sự bẽ bàng của thân phận một cách dữ dội hơn:

+ Phép đảo ngữ như cố tình khoét sâu thêm vào cái sự bẽ bàng của tâm trạng. "Trơ" là tủi hổ, là chai lì, không còn cảm giác. Thêm vào đó, hai chữ "hồng nhan" (chỉ dung nhan người thiếu nữ) lại đi với từ "cái" thật là rẻ rúng, mỉa mai. Cái "hồng nhan" trơ với nước non đúng là không chỉ gợi sự dãi dầu mà

đậm hơn có lẽ là ở sự cay đắng. Câu thơ chỉ nói đến hồng nhan mà lại gợi ra cả sự bạc phận của chủ thể trữ tình. Nhịp câu thơ 1/3/3 cũng như vậy, cứ chì chiết, càng khơi sâu vào sự bẽ bàng khôn tả.

+ Tuy nhiên câu thơ không hẳn chỉ có nỗi đau, mà nó còn thể hiện cả bản lĩnh của nhân vật trữ tình. Bản lĩnh ấy thể hiện ở ngay trong chữ "trơ" như là một sự thách thức vậy. Từ "trơ" kết hợp với "nước non" thể hiện sự bền gan, sự thách đố. Nó gợi cho ta nghĩ đến một câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài Thăng Long thành hoài cổ ("Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt").

- Nếu hai câu đề làm nhiệm vụ dẫn dắt người đọc vào hoàn cảnh tâm trạng thì hai câu thực nói rõ hơn thực cảnh và thực tình của Hồ Xuân Hương:

"Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn."

+ Cảnh tình Xuân Hương thể hiện qua hình tượng chứa đựng hai lần bi kịch: Trăng sắp tàn (bóng xế) mà vẫn "khuyết chưa tròn". Cùng đó là với Xuân Hương, tuổi xuân đã trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn.

+ Hương rượu chỉ càng gợi thêm sự cô đơn và cái bẽ bàng của phận hẩm duyên.

+ Cụm từ "say lại tỉnh" gợi lên cái vòng luẩn quẩn, tình duyên trở thành một trò đùa của con tạo.

b. Phân tích 2 câu luận: Tâm trạng tuyệt vọng của cảnh đời lẽ mọn

- Hình tượng thiên nhiên trong hai câu luận dường như cũng mang cả nỗi niềm phẫn uất của con người:

"Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn."

+ Những sinh vật bé nhỏ như đám rêu kia mà vẫn không chịu phận nhỏ bé, hèn mọn, không chịu yếu mềm. Tất cả như đang muốn bứt thoát hẳn lên: rêu phải mọc "xiên ngang mặt đất", đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt để "đâm toạc chân mây".

+ Nghệ thuật đảo ngữ càng làm nổi bật sự phẫn uất của đá, của rêu và cũng là sự phẫn uất của tâm trạng con người.

+ Kết hợp với việc sử dụng những động từ mạnh (xiên, đâm) với các bổ ngữ độc đáo (ngang, toạc) thể hiện rất rõ sự bướng bỉnh và ngang ngạnh => Đá, rêu như đang oán hờn, như đang phản kháng quyết liệt với tạo hoá.

=> Có thể nói, trong hoàn cảnh bi thảm nhất, thơ Hồ Xuân Hương vẫn ẩn chứa mạnh mẽ một sức sống, một khát khao.

- Hai câu kết là tâm trạng chán chường, buồn tủi:

"Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con."

+ "Ngán" là chán ngán, là ngán ngẩm. Xuân Hương ngán nỗi đời éo le, bạc bẽo bởi xuân đi rồi xuân lại lại, tạo hoá đang chơi một vòng quay nhàm chán như chính chuyện duyên tình của con người.

+ Từ xuân vừa chỉ mùa xuân, vừa được dùng với nghĩa chỉ tuổi xuân. Với thiên nhiên, xuân đi rồi xuân lại nhưng với con người thì tuổi xuân đã qua không bao giờ trở lại. Hai từ "lại" trong cụm từ "xuân đi xuân lại lại" cũng mang hai nghĩa khác nhau. Từ "lại" thứ nhất là thêm một lần nữa, trong khi đó, từ "lại" thứ hai nghĩa là trở lại. Mùa xuân trở lại nhưng tuổi xuân lại qua đi, đó là cái gốc sâu xa của sự chán ngán.

+ Trong câu thơ cuối, nghệ thuật tăng tiến làm cho nghịch cảnh của nhân vật trữ tình càng éo le hơn: mảnh tình - san sẻ - tí - con con. Mảnh tình - vốn đã ít, đã bé, đã không trọn vẹn lại còn phải "san sẻ" thành ra gần như chẳng còn gì (tí con con) nên càng xót xa, tội nghiệp => Câu thơ nói lên cả nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, khi cảnh chồng chung vợ chạ đối với họ không phải là xa lạ.

* Suy nghĩ về cuộc sống người phụ nữ hiện nay

- Người phụ nữ trong xã hội xưa: Phần lớn người phụ nữ trong xã hội xưa không được coi trọng, không có được những địa vị xứng đáng trong gia đình, xã hội, phải chịu nhiều sự áp đặt, bất công, tư tưởng trọng nam khinh nữ.

- Người phụ nữ trong xã hội ngày nay: Vẫn có trách nhiệm tề gia nội trợ, vẫn giữ được những vẻ đẹp của người phụ nữ truyền thống. Họ là những công dân bình đẳng trong xã hội, không phải cam chịu số phận, sự sắp đặt của cha mẹ, không phải phụ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông như phụ nữ xưa. Họ có quyền được học hành, làm việc, cống hiến cho sự phát triển của đất nước.

* Kết luận.